

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2023

“V/v Ly hôn giữa bà Hoa và ông Phước”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phụng;
2. Ông Nguyễn Tấn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số nhà H, đường N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hồng P**, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số nhà H, đường N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông Nguyễn Hồng P qua thời gian tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 09/4/2004, tại Ủy ban nhân dân Phường E, thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh Vĩnh Long; bà H và ông P sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn; mâu thuẫn thường xuyên xảy ra do không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông P cờ bạc và có người phụ nữ khác bên ngoài; bà H đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông P không thay đổi; mỗi người có công việc riêng, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Nay, bà H thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu được ly hôn với

ông P.

Về con chung: Bà H và ông P có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng Kim Q, sinh ngày 12/9/2004, đã trưởng thành có khả năng lao động được nên không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Hoàng Kim O, sinh ngày 07/02/2007, nay con đang sống chung với ông, bà và sau khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi Kim O, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà H tự thỏa thuận với ông P, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Bà H khai trong quá trình hôn nhân đến thời điểm xin ly hôn bà H và ông P không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông P vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do, ông P không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu trong đơn kiện; ông P vắng mặt đến lần thứ hai. Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, ông Nguyễn Hồng P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ông P vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Hiện nay, bà H và ông P sống chung nhà nhưng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, giữa vợ chồng ông, bà không yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của ông, bà; Kim Q là con lớn đã trưởng thành, tại bản khai Kim O có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Bà H xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong hôn nhân, do ông P cờ bạc và có người phụ nữ khác bên ngoài, bất đồng quan điểm sống; ông P không có ý kiến gì phản đối yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của bà H. Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết bà H đã xác định được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng; bà H và ông P có thời gian mâu thuẫn

dài; bà H đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông P không thay đổi; bà H xin ly hôn ông P biết nhưng không đến Tòa để giải quyết, cũng không tìm bà H để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng; từ đó cho thấy ông P cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H, bà H kiên quyết giữ quan điểm ly hôn vì mâu thuẫn không thể hàn gắn, không đoàn tụ được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông P.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông P có người con chung là Nguyễn Hoàng Kim Q đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; con Nguyễn Hoàng Kim O hiện nay đang sống với bà H và sau khi ly hôn vẫn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, nguyện vọng của con muốn sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H tự thỏa thuận với ông P nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Bà H khai trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm ly hôn ông P không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng, ông P không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Hồng P.

1.2. Về nuôi con chung: Bà H và ông P có 02 người con chung là Nguyễn Hoàng Kim Q, sinh ngày 12/9/2004 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; giao Nguyễn Hoàng Kim O, sinh ngày 07/02/2007 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của Kim O); ông P không cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn ông P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0002147 ngày 13/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- UBND Phường 5, TPVL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Kim Yến